

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐBT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/04/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5	7:25	22	0		22	0	
2		TD3+BK3	7:25	17+5	0+0		15+7	0+0	
3		P10+P2	7:25	13+9	0+0		11+11	0+0	
4		P2+TD3	7:25	10+12	0+0		6+15	0+0	
5		TD2+TD5	9:25	11+11	0+0		6+16	0+0	
6		P9+BK6+TD1	9:25	12+9+1	0+0+0		10+9+3	0+0+0	
7		TD3+RC3+RP2	9:25	13+0+9	0+0+0		9+1+6	0+0+0	CHUYỂN 3 RC3 RP2
8		BK4+BK6+BK10	9:25	12+3+7	0+0+0		11+3+8	0+0+0	
9		P9+TD5	11:25	16+3	0+0		14+8	0+0	
10		P11+P10	11:25	10+11	0+0		6+16	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD5	CREW: Thanh - HUNG - QTruong	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HÀ THANH TUNG	TD5	80	1	8		78	KHOAN	Vietnamese
2	ĐÀO QUANG MINH	TD5	95	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
3	VÔ NGUYỄN KHANG	TD5	83	1	5		88	KHOAN	Vietnamese
4	ĐẶNG ĐÌNH THỌ	TD5	91	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
5	TÔ THANH HUNG	TD5	84	1	5		52	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN MINH CÔNG	TD5	384	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN CAO KHÁNH	TD5	78	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN ANH TUÊ	TD5	94	1	4		53	KHOAN	Vietnamese
9	ĐẶNG VĂN HÒN	TD5	81	1	5	60	85	KHOAN	Vietnamese
10	BUI ĐỨC TOÀN	TD5	92	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
11	LƯU THẾ ĐIỆN	TD5	86	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
12	ĐÌNH ĐỨC KIÊN	TD5	96	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
13	ĐOÀN CAO DANH	TD5	90	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN HUU HOANG	TD5	82	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM VĂN CHIẾN	TD5	93	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN BACH TUNG	TD5	97	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VIÊN*TT	TD5	88	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
18	TU DƯƠNG DUNG	TD5	85	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
19	CAO ĐỨC HAI	TD5	87	1	11		85	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN CAO HOANG	TD5	98	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
21	PHẠM XUAN HAI	TD5	89	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
22	PHẠM XUÂN THUY	TD5	79	1	4		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	22	22	119	1.544	60	22		
	TOTAL	22	22	119	1.544	60	22		
	WEIGHT KG			119	1.544	60			

GRAND TOAL: 1.723 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: TD3 - BK3	CREW: Vận - ĐNam - MQUÂN	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN TUÂN *TT	TD3					76	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN NGỌC TUÂN	TD3	71	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM HAI ĐĂNG	TD3	70	1	8		73	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TUÂN	TD3	67-68	2	12		65	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM VĂN BIÊN	TD3	73	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH QUÝ	TD3	74	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN VĂN MINH	TD3	71	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN CÔNG AN	TD3	77	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN CÔNG MINH	TD3	80	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN CẢNH THẠC	TD3	69	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU NHAN	TD3	78	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG VIỆT	TD3	79	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
13	NG VĂN ANH*MC-PVD	TD3	75-76	2	10		80	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN VIỆT THANH LUÂN	TD3	64	1	3		52	KHOAN	Vietnamese
15	SOROKA ANATOLY	TD3	65	1	15		115	KHOAN	Russian
16	VƯƠNG HỮU QUỐC THAI	TD3	63	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT HÙNG	TD3	66	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
18	VŨ DUY KHƯƠNG	BK3	39	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN PHƯỚC	BK3	37	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐỨC THIẾT	BK3	36	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ QUÝ TOÀN	BK3				40	58	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM BA BÌNH	BK3	38	1	3		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	17	18	113	1.184	0	15		
2	BK3	5	4	20	324	40	7		
TOTAL		22	22	133	1.508	40	22		
WEIGHT KG				133	1.508	40			

GRAND TOAL: 1.681 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT:	TO: P10 - P2	CREW: MTHẮNG - ĐỨC - thông	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HOÀI THANH	P10	06-08	3	14		60	YTE	Vietnamese
2	HỒ ANH QUỐC	P10					74	KH-THAC	Vietnamese
3	SYSTEROV ROMAN	P10	02	1	11		80	KH-THAC	Russian
4	NGUYỄN ĐỨC PHÚC	P10	05	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM HUYNH VŨ	P10	11	1	9	90	70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN BẢO LÂM	P10	01	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P10	09	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ANH KHOA	P10	13-14	2	15		66	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN ĐĂNG TUẤN	P10	03	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU TOÀN	P10	04	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TẤT THÀNH	P10	12	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM DUY QUANG	P10	10	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ NGỌC NGUYỄN	P10					80	KH-THAC	Vietnamese
14	AFANASIEV	P2	24	1	10		97	KH-THAC	Russian
15	CAO VĂN ĐẠU	P2	25	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẠO VĂN ĐỨC	P2	21	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ CÔNG KHANG	P2	18	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ THANH LONG	P2	19	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
19	DƯƠNG VĂN THUẬN	P2	20	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU PHI	P2					75	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TIẾN HÙNG	P2	22-23	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN CHÍ HƯƠNG	P2	26	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	13	14	87	906	90	11		
2	P2	9	9	55	641	0	11		
TOTAL		22	23	142	1.547	90	22		
WEIGHT KG				142	1.547	90			

GRAND TOAL: 1.779 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT:	TO: P2 - TD3	CREW: Phong - V Linh - Luy	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÀO QUANG THIẾT	P2	62	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN ĐỘ	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN THỦY	P2	61	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC TÂN	P2					66	KH-THAC	Vietnamese
5	VÕ ANH NGOC	P2	60	1	6	40	70	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ VĂN THỌ	P2	59	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐOÀN KHẮC CÂN	P2	65	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG TRỌNG THẢO	P2	64	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ THANH HAI	P2	63	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ VĂN LONG	P2	66-67	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGÔ DUY THÀNH	TD3	05	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ TRỌNG NGHĨA	TD3					76	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN CÔNG HOAN	TD3	10-11	2	8		77	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM THANH DUNG	TD3	08	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
15	ĐÀO LÊ XUÂN SƠN	TD3	07	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN TRỌNG BẢNG	TD3	06	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN HOANG NAM	TD3	13	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
18	HOANG THANH TỰ	TD3					82	KHOAN	Vietnamese
19	ĐẶNG HỮU TÀI-MC-PVD	TD3	09	1	10		66	KHOAN	Vietnamese
20	PHẠM VĂN QUÂN-PVDT	TD3	12	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
21	TRẦN TRỊNH QUỐC VƯƠNG	TD3	04	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
22	TRƯƠNG QUYẾT THĂNG	TD3	14	1	18		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	10	9	65	671	40	6		
2	TD3	12	11	84	868	0	15		
TOTAL		22	20	149	1.539	40	21		
WEIGHT KG				149	1.539	40			

GRAND TOAL: 1.728 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	TO: TD2 - TD5	CREW: Thanh - HUNG - QTruong	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN HONG LINH	TD2	99	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN THE HANH	TD2	100	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN DUC TUNG	TD2	95	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN THANH CONG	TD2					62	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN DINH THANG	TD2	59	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HUU LUU	TD2	58	1	5	10	65	KH-THAC	Vietnamese
7	DO DUC ANH	TD2	96	1	16	50	65	CODIEN	Vietnamese
8	DANG DINH TUAN	TD2	94	1	13		70	CODIEN	Vietnamese
9	PHAM VAN HUAN	TD2	93	1	6		60	CODIEN	Vietnamese
10	VU DINH NAM	TD2	66	1	8		60	CODIEN	Vietnamese
11	HOANG VAN PHUONG	TD2	60	1	5		60	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN TRUNG THAI	TD5	85	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
13	LE VAN NGUYEN -PVDT	TD5	87	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN DUC MINH	TD5	94	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN PHAT-PVDT	TD5	86	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
16	LE MANH HUNG	TD5					75	ANTOAN	Vietnamese
17	HO VAN ANH	TD5					75	PSV	Vietnamese
18	NGO VAN THANH	TD5	92-93	2	17		74	PSV	Vietnamese
19	DINH VAN THANG	TD5	88	1	4		70	PSV	Vietnamese
20	DINH VAN HOAI	TD5	89	1	3		63	PSV	Vietnamese
21	VU QUOC VIET	TD5	91	1	6		75	PSV	Vietnamese
22	LUONG ANH HAI	TD5	90	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	11	10	73	702	60	6		
2	TD5	11	10	52	786	0	16		
TOTAL		22	20	125	1.488	60	22		
WEIGHT KG				125	1.488	60			

GRAND TOAL: 1.673 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	TO: P9 - BK6 - TD1	CREW: MTHẮNG - ĐỨC - thông	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VASYANKIN	P9	02-03	2	20		122	KH-THAC	Russian
2	LÊ VĂN LÔI	P9	07-09	3	13		73	YTE	Vietnamese
3	PHẠM ĐỨC BÌNH	P9	10-11	2	17	35	70	KH-THAC	Vietnamese
4	YAKIMIDI	P9	01	1	4		100	KH-THAC	Russian
5	NGUYỄN XUÂN HOANG	P9	06	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN BA KỲ	P9					78	KH-THAC	Vietnamese
7	VÕ VĂN THOẠI	P9	05	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI NGOC THÂN	P9					75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGO AN CHUNG	P9	04	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẠO THIÊN THUẬT	P9	900	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN CAO CHI	P9	99	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ MINH THUY	P9					82	KTHAC	Vietnamese
13	NGUYEN DINH DUC	BK6	45	1	6		75	PSV	Vietnamese
14	TRẦN SÁCH ĐỒN	BK6	46	1	11		63	KH-THAC	Vietnamese
15	NGO HOANG NAM	BK6	54	1	12		72	KH-THAC	Vietnamese
16	HA VĂN TRUNG	BK6	50-51	2	17	35	84	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC AN	BK6	53	1	15		77	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN MẠNH HUNG	BK6	48	1	10	12	92	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN VĂN SANG	BK6	52	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN TRẦN	BK6	55-56	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN TRẦN VINH	BK6	47	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
22	VŨ VĂN KIẾN	TD1	93-94	2	7		80	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	12	13	79	941	35	10		
2	BK6	9	11	113	660	47	9		
3	TD1	1	2	7	80	0	3		
TOTAL		22	26	199	1.681	82	22		
WEIGHT KG				199	1.681	82			

GRAND TOAL: 1.962 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT: 7	TO: TD3 - RC3 - RP2	CREW: Vận - ĐNam - MQUÂN	ETA: 11:15
CAM-2			

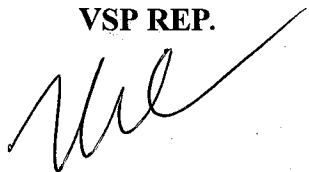
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LAI ANH TUÂN	TD3	24-26	3	20		100	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ HỒNG LINH	TD3	27	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN LINH	TD3	29	1	14		66	DVL	Vietnamese
4	PHAN NGỌC TIẾN	TD3	28	1	10		60	DVL	Vietnamese
5	LUONG XUÂN ĐƯỢC	TD3	21	1	5		67	PSV	Vietnamese
6	QUACH ĐẠCTHAN	TD3	15	1	5		50	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG	TD3	16	1	5		75	PSV	Vietnamese
8	LÊ ĐỨC CƯỜNG	TD3	23	1	6		56	PSV	Vietnamese
9	HOÀNG VĂN THẮNG	TD3	20	1	3		52	PSV	Vietnamese
10	ĐẠO THANH HIỂU	TD3	30	1	3		71	PSV	Vietnamese
11	PHẠM VĂN DUÂN	TD3	19	1	3		75	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN HẠNH	TD3	22	1	10		71	PSV	Vietnamese
13	VŨ MẠNH DŨNG	TD3	17-18	2	15		70	PSV	Vietnamese
14	HOÀNG VĂN THUYẾT	RP2	73	1	9		64	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH TÔI	RP2	82-83	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN CÔNG DANH	RP2	76-77	2	10		62	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN KIM HÀ	RP2	80-81	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐOÀN VĂN BẢNG	RP2	70	1	15		71	XAYLAP	Vietnamese
19	VŨ QUANG TRƯỞNG	RP2	74-75	2	19	40	75	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN VĂN KIM	RP2	84-85	2	20		58	XAYLAP	Vietnamese
21	VŨ TUÂN ANH	RP2	78-79	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
22	PHAN ĐÌNH MINH	RP2	71-72	2	15		63	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

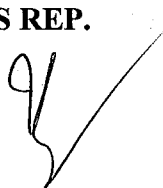
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	13	16	109	891	0	9		CHUYEN 3 RC3 SANG RP2
2	RC3	0	0	0	0	30	1	3	
3	RP2	9	16	148	593	40	6		
TOTAL		22	32	257	1.484	70	16		
WEIGHT KG				257	1.484	70			

GRAND TOAL: 1.811 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 8	TO: BK4 - BK6 - BK10	CREW: Phong - VLinH - Luy	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ ĐĂNG ĐỨC	BK4					70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TIẾN DÙNG	BK4	42	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ BA TUÂN	BK4	41	1	2		62	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TIẾN	BK4	42-43	2	5		76	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN DUY NGỌC	BK4	29	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM SỸ HIỆP	BK4	30	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM NGỌC QUY	BK4	33	1	14		75	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ THANH HIỆU	BK4	38	1	5	20	69	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC QUÂN	BK4	34	1	10	10	78	CODIEN	Vietnamese
10	ĐẶNG SỰ	BK4	31-32	2	15		77	CODIEN	Vietnamese
11	LÊ BA TỬ	BK4	40	1	9	35	65	CODIEN	Vietnamese
12	PHẠM XUÂN MẠNH	BK4	39	1	4		66	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN KIM HƯƠNG	BK6	12	1	18		60	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN QUANG HAI	BK6	11	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ NHẬT TÂM	BK6	13	1	6		64	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN CÔNG TÂN	BK10	13	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ XUÂN THUY	BK10	14	1	9		67	KH-THAC	Vietnamese
18	NGÔ TUÂN HÙNG	BK10	17	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ TRỌNG LINH	BK10	15	1	9	65	77	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH PHONG	BK10	12	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN CÔNG THANH	BK10	11	1	2		78	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH SƠN	BK10	16	1	4		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	12	13	88	844	65	11		
2	BK6	3	3	34	184	0	3		
3	BK10	7	7	42	509	65	8		
TOTAL		22	23	164	1.537	130	22		
WEIGHT KG				164	1.537	130			

GRAND TOAL: 1.831 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT: 9	TO: P9 - TD5	CREW: HUNG - Thanh - QTrưởng	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM ĐỨC TÀI	P9	76-77	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VIỆT CUONG	P9	74	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆT THẮNG	P9					70	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN HÀ	P9	65	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN DUNG	P9	67	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN BANG	P9	71	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC LUÔNG	P9	73	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	HỒ SỸ BÌNH	P9	63	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ NGỌC THANH	P9	72	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN HAI	P9	62	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
11	THAI VĂN TUẤN	P9	66	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN TUNG	P9	75	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	P9	70	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRUNG DUONG	P9	64	1	11		68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TIẾN NHUẬN	P9	68-69	2	17		54	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN LƯƠNG SƠN	TD5	96	1	8		68	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐĂNG NAM	TD5	98	1	5		67	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN HẠNH	TD5	97	1	5		61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	15	16	96	1.016	0	14		
2	TD5	3	3	18	196	0	5		
TOTAL		18	19	114	1.212	0	19		
WEIGHT KG				114	1.212	0			

GRAND TOAL: 1.326 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:35
FLIGHT: 10	TO: P11 - P10	CREW: Văn - Mạnh - MQUÂN	ETA: 13:15
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRUNG HAI	P11	90	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VIỆT DŨNG	P11	16	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
3	LUƠNG XUÂN THAI	P11	91-92	2	12		72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC CHÂN	P11	17	1	4	80	71	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN LÂM	P11	15	1	6		75	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC ANH	P11	88-89	2	11		66	CODIEN	Vietnamese
7	CHU TUÂN ANH	P11	18-19	2	11		66	CODIEN	Vietnamese
8	PHẠM HỒNG ĐIỀN	P11	20	1	4		66	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH NHAN	P11	14	1	8		66	PSV	Vietnamese
10	BUI ĐỨC ANH	P11	21	1	5		70	PSV	Vietnamese
11	TRAN VAN NAM	P10	40	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ CHI HIỆU	P10	41	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN THUYẾT	P10	38	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ ĐÌNH CƯỜNG	P10	44	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TOÀN	P10	46	1	4		56	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM NGỌC THANH	P10	39	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P10	43	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN NAM	P10	42	1	5		91	KH-THAC	Vietnamese
19	TRƯƠNG VĂN MINH	P10					75	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM HIỆU LIÊM	P10	45	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI VĂN NGUYỄN	P10	37	1	7		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	10	13	69	687	80	6		
2	P10	11	10	45	754	0	16		
TOTAL		21	23	114	1.441	80	22		
WEIGHT KG				114	1.441	80			

GRAND TOAL: 1.635 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/04/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P3+TTC2	7:25	15+6	0+0		9+13	0+0	
2		P6	7:25	22	0		22	0	
3		VSP01	7:25	22	0		22	0	
4		AMD	7:25	22	0		22	0	
5		AMD+P8	9:25	4+2+14	0+0+0		5+0+17	0+0+0	
6		P8+VSP01	9:25	20+0	0+0		14+8	0+0	
7		TTC1+P6	9:25	15+7	0+0		8+13	0+0	
8		TTC1+P1+VSP01	9:25	5+6+8	0+0		0+7+15	0+0	

TBĐSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: P3 - TTC2	CREW: Phong - NPhú - Toan	ETA: 09:10
XANH-1			

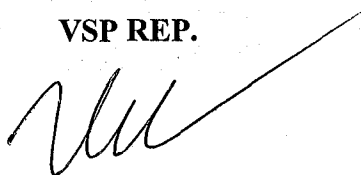
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	P3	37	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN HÀM CHUNG	P3	76	1	5		65	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐINH NGỌC HUNG	P3	38	1	9		68	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN SỸ LỤC	P3	86-87	2	16		76	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN HỒNG YẾN	P3	78	1	14		70	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN TIẾN TRỌNG	P3	74-75	2	15		81	XAYLAP	Vietnamese
7	VU MINH TRI	P3	77	1	10		59	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN QUỐC VĂN	P3	79-80	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN MẠNH	P3	70-71	2	19		60	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM VIỆT HUU	P3	85	1	11		58	XAYLAP	Vietnamese
11	LƯU MẠNH TIẾN	P3	88	1	9		67	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ TRI HAI	P3	83-84	2	20		63	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN LỢI	P3	89-90	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM CÔNG HÌNH	P3	81-82	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
15	VU ĐÌNH ĐẠI	P3	72	1	10	17	67	XAYLAP	Vietnamese
16	PHÙNG MINH HIẾU	TTC2	77	1	2	50	76	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ PHƯƠNG	TTC2	69-71	3	12		54	KH-THAC	Vietnamese
18	LƯU VĂN AN	TTC2	76	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG	TTC2	68	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI VĂN TUÂN	TTC2	78	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN TRUNG KIẾN	TTC2	72	1	5		69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

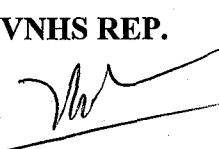
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	15	22	213	1.001	17	9		
2	TTC2	6	8	36	393	50	13		
TOTAL		21	30	249	1.394	67	22		
WEIGHT KG				249	1.394	67			

GRAND TOAL: 1.710 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 2	TO: P6	CREW: ĐỨC - VTHU - thông	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHERNIAVSKIY D S	P6	20-21	2	15	60	110	KH-THAC	Russian
2	TRẦN VINH QUANG	P6	07-09	3	16		70	YTE	Vietnamese
3	PIATOV S.V	P6	22	1	5		92	KH-THAC	Russian
4	VŨ VĂN HOAN	P6	19	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
5	THAI TRỌNG BÌNH	P6	28	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG THỌ TAM	P6	23-24	2	8		64	KH-THAC	Vietnamese
7	PHƯƠNG VĂN MINH	P6	18	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU NHAN	P6					70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NHẬT THÀNH	P6	11	1	13		66	KH-THAC	Vietnamese
10	HÀ DUY ĐÔNG	P6	26	1	3		84	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG TIẾN DŨNG	P6	27	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN TUNG	P6	33	1	2		54	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN HUY THAI	P6	12	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI THỨC PHÚC	P6					66	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG THAI ANH	P6	10	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
16	DƯƠNG VĂN CƯỜNG	P6	17	1	13		79	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ ĐỨC DŨNG	P6	25	1	7		89	KH-THAC	Vietnamese
18	HÀ XUÂN THANH	P6	18	1	6		98	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ QUANG MINH	P6					78	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẶNG TRỌNG GIAO	P6	34	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN BUI TOÀN	P6	14-15	2	15		58	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ QUANG HUY	P6	13	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	22	24	153	1.674	60	22		
TOTAL		22	24	153	1.674	60	22		
WEIGHT KG				153	1.674	60			

GRAND TOAL: 1.887 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: VSP01	CREW: Hạnh - Linh - Năm	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ROMANOV	VSP01	22	1	10		115	KH-THAC	Russian
2	HOANG CAO TRI	VSP01	16-18	3	17		77	YTE	Vietnamese
3	TRUBOCHKIN	VSP01	21	1	6		90	KH-THAC	Russian
4	PHAM VAN DUC	VSP01	09	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN VAN BAC	VSP01	27	1	9		66	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN VAN SON	VSP01	05	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN VAN CHAU	VSP01	13	1	4	20	58	KH-THAC	Vietnamese
8	BORVINSKIY	VSP01	20	1	9		84	KH-THAC	Russian
9	LE THANH TUAN	VSP01	24	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN THANH	VSP01	10	1	4	4	74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN DUC THIEN	VSP01	25	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN MANH TUAN	VSP01	19	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG PHUC LUONG	VSP01					80	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG ĐỨC ANH	VSP01					72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN THUY	VSP01	06	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
16	TÔ HÙNG DŨNG	VSP01	07-08	2	17		75	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN VĂN TRƯỜNG	VSP01	26	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
18	HUYNH HAI	VSP01	14	1	6		90	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN THANH HA	VSP01	11	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN VAN THUY	VSP01	15	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
21	HUYNH TAN DUNG	VSP01	03-04	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN TRONG NAM	VSP01	12	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	22	24	153	1.627	24	22		
	TOTAL	22	24	153	1.627	24	22		
	WEIGHT KG			153	1.627	24			

GRAND TOAL: 1.804 KGS

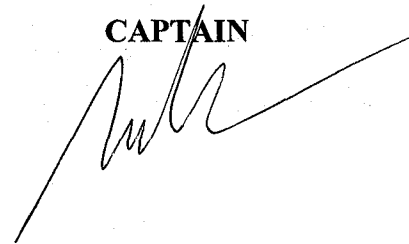
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 4	TO: AMD	CREW: HỒI - MTHAO - HIẾU	ETA: 09:20
Vang-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN QUANG HUY	AMD	66-67	2	12		77	TLJOC	Vietnamese
2	TO TINH	AMD	64-65	2	12		72	TLJOC	Vietnamese
3	DO TRONG NGHIA	AMD	68-69	2	18		67	TLJOC	Vietnamese
4	DUONG CHI PHONG	AMD	58	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	LE VAN TU	AMD	46	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
6	LE ANH MINH	AMD	53	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN DUC TRUNG	AMD	51-52	2	10		55	KH-THAC	Vietnamese
8	LE PHONG VIEN (PVDT)	AMD	43	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN DAN	AMD	41	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
10	LA NGOC MANH (PVDT)	AMD	55	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG VAN SAU	AMD	42	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN KHAC CHINH	AMD	40	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	LE XUAN HAI	AMD	50	1	12		71	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN VAN THUY (PVDT)	AMD	63	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM TUAN ANH	AMD	48-49	2	8		67	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG DINH VINH	AMD	56-57	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN DUC CUONG	AMD	54	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN DINH CU	AMD	44-45	2	17		62	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN HUU LUAT	AMD	47	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
20	DINH TRUONG PHI	AMD	61-62	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
21	LE HUU HA	AMD	59	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
22	DUONG MANH PHU	AMD	60	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	22	30	194	1.464	0	22		
	TOTAL	22	30	194	1.464	0	22		
	WEIGHT KG			194	1.464	0			

GRAND TOAL: 1.658 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	TO: AMD - P8	CREW: Phong - NPhú - Toan	ETA: 11:10
XANH=2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN QUANG	AMD	70	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐINH CÔNG HOANG	AMD	74	1	5		60	PSV	Vietnamese
3	PHAN VĂN HOA	AMD	72-73	2	6		70	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN CUONG	AMD	71	1	6		55	PSV	Vietnamese
5	LAZAREV	P8	47-48	2	10		81	KH-THAC	Russian
6	NGUYỄN KIM SƠN	P8	46	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ HUY TÂN	P8	43-45	3	18		65	YTE	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG HÒA	P8	47	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG	P8	46	1	4	30	80	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ TRƯỞNG SA	P8	99	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN NHAN	P8					70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	P8	97-98	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN THÀNH NAM	P8	55	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẠO TIẾN ĐẠT	P8	53-54	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN ANH TRÍ	P8	96	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ NGUYỄN NHẬT LINH	P8					80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC TÂN	P8	48	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TIẾN VŨ	P8	49	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	4	5	22	255	0	5		
2	P8	14	17	92	991	30	17		
TOTAL		18	22	114	1.246	30	22		
WEIGHT KG				114	1.246	30			

GRAND TOAL: 1.390 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:35
FLIGHT: 6	TO: P8 - VSP01	CREW: Hạnh - Linh - Năm	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG TRI NAM	P8					77	KH-THAC	Vietnamese
2	THAI QUAN	P8	26	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN BA HOANG	P8					62	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VINH DUNG	P8	29	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TRI HUNG	P8	30	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐO VÂN MINH	P8	27	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
7	PHUNG HA TAI	P8	20	1	6		95	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN QUANG HUY	P8	28	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐAO NGUYEN HUNG	P8					69	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG SY NGOC	P8	32	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN QUY TAI	P8	19	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐANG TUAN ANH	P8	35	1	9	130	75	CODIEN	Vietnamese
13	HOANG QUOC HUY	P8	33-34	2	20		81	CODIEN	Vietnamese
14	LÊ ĐỨC TIEN	P8	36	1	11		117	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYEN PHUC	P8	24	1	5		64	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN MINH TUE	P8	23	1	5		55	PSV	Vietnamese
17	LÊ ĐỨC THUẬN	P8	22	1	6		54	PSV	Vietnamese
18	ĐẬU CÔNG SAU	P8	21	1	5		81	PSV	Vietnamese
19	LÊ VĂN DƯƠNG	P8	25	1	6		57	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN VAN SON	P8	31	1	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	20	18	123	1.406	130	14		
2	VSP01	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		20	18	123	1.406	130	22		
WEIGHT KG				123	1.406	130			

GRAND TOAL: 1.659 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 7	TO: TTC1 - P6	CREW: ĐỨC - VTHU - thông	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN LINH HOẠT	TTC1	06-07	2	7		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN SƠN TÙNG	TTC1	13	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN THƯƠNG	TTC1	14-15	2	10		82	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ ĐÌNH LỢI	TTC1	08	1	8		57	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN NGUYỄN TRUNG THÀNH	TTC1	11	1	12		95	KH-THAC	Vietnamese
6	GLYBOVSKY	TTC1	04	1	8		72	KH-THAC	Russian
7	VŨ BA THUẬN	TTC1	02	1	11		66	KH-THAC	Vietnamese
8	ZHUCK	TTC1	09-10	2	16		90	KH-THAC	Russian
9	NGUYỄN QUỐC HÙNG	TTC1	03	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TÂN PHONG	TTC1	05	1	15		63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN KIM PHI HÙNG	TTC1	12	1	7		73	XAYLAP	Vietnamese
12	TÔ CÔNG TANH	TTC1	01	1	5		64	GETRACO	Vietnamese
13	TRẦN TRUNG HIỆU	TTC1	16	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN XUÂN KHÁNH	P6	02	1	2		63	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ ĐẠI THANH	P6	01	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ANH NGỌC	P6	04-05	2	13		68	XAYLAP	Vietnamese
17	PHAN VĂN HẬU	P6	03	1	5		68	GETRACO	Vietnamese
18	VŨ VIỆT SƠN	P6	06	1	5		60	GETRACO	Vietnamese
19	ĐOÀN ANH THAI	P6	07	1	5		60	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	13	16	116	948	0	8		
2	P6	6	7	36	383	0	14		
TOTAL		19	23	152	1.331	0	22		
WEIGHT KG				152	1.331	0			

GRAND TOAL: 1.483 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 8	TO: TTC1 - P1 - VSP01	CREW: Hôi - MTHAO - HIẾU	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN DIỄN	TTC1	74	1	6		65	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẠM VĂN KHUYNH	TTC1	72	1	12		72	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN MINH	TTC1	81	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
4	VI THAI	TTC1	73	1	5		61	XAYLAP	Vietnamese
5	BUI SY CUONG	TTC1	77	1	5	50	59	GETTRAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN KHA	TTC1	71	1	12		75	XAY LAP	Vietnamese
7	NGUYỄN MANH HA	TTC1	75-76	2	20		55	XAY LAP	Vietnamese
8	PHẠM VĂN CHÍNH	P1	82	1	17	10	65	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM VĂN VUI	P1	79	1	12		60	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN VĂN HÈ	P1	84-85	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐỖ VĂN TUYẾN	P1	80-81	2	15		78	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN AI	P1	86-87	2	18		61	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐỖ ĐÌNH VĂN	VSP01					69	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN DUY ĐÔNG	VSP01	31	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN THANH LỢI	VSP01	29	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN KHÂN	VSP01	34	1	4		72	PSV	Vietnamese
17	VŨ VĂN ĐIỆP	VSP01	30	1	5		67	PSV	Vietnamese
18	ĐỖ ĐỨC CHÍ	VSP01	35	1	5		60	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN DỤC THƯƠNG	VSP01	32	1	5		60	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN HỒNG THĂNG	VSP01	33	1	5		84	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	7	8	70	457	50	0		
2	P1	5	8	77	329	10	7		
3	VSP01	8	7	35	565	0	15		
TOTAL		20	23	182	1.351	60	22		
WEIGHT KG				182	1.351	60			

GRAND TOAL: 1.593 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN